

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+SAVR+CLO	7:25	6+7+6	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
2		RCDM+RC6+TD1	7:25	1+0+19	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
3		BK19+TD2+P4	9:25	0+17+0	0+0+0		0+15+3	0+0+0	chuyen 4 bk19-td2
4		TD5+P11	9:25	21+0	0+0		20+2	0+0	
5		TD3+TD1+BK6	11:40	16+3+1	0+0+0		17+4+1	0+0+0	chuyen 1 td3-td1
6		VSP02+GTCl+CLO	11:40	4+0+12	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
7		CTK3+P2+P10	13:40	3+5+1	0+0+0		6+12+4	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - SAVR - CLO	CREW: NAM - TTRUNG - NNAM - LHAÍ - ĐỨC	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1458	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN NGHĨA	PVD8	55	1	15			82	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	PVD8	52	1	10			78	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THU	PVD8	56	1	15			64	DVL	Vietnamese
4	LƯU ĐÌNH TRỌNG	PVD8	53	1	12			77	DVL	Vietnamese
5	LÊ PHÚ PHÚC	PVD8	54	1	7			81	DVL	Vietnamese
6	NHÂM ĐỨC TUẤN	PVD8	30	1	13			71	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG ANH DŨNG	SAVR	93-94	2	17			71	PVD LOGG	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN DOANH	SAVR	95-96	2	17			77	PVD LOGG	Vietnamese
9	HỒ VĂN RƠN	SAVR	89	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
10	ISPERIZON ISPERIZON	SAVR	97-98	2	20			65	BAKER HU	Indonesian
11	SVINAREV VIACHESLAV	SAVR	92	1	13			105	AMHIP	Russian
12	NOSULETSKII ANTON	SAVR	90-91	2	15			82	AMHIP	Russian
13	NGUYỄN VĂN DŨNG	SAVR	500	1	6			60	AMHIP	Vietnamese
14	PHẠM MINH HOANG	CLO	44	1	11			97	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CHỈ NGHIỆP	CLO	49	1	4			82	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN SĨ LONG	CLO	46	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
17	TU QUỐC VIỆT	CLO	47	1	13			62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	45	1	10			71	KHOAN	Vietnamese
19	LAM XUÂN TỰ	CLO	48	1	3			80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	6	453	6	72	0	0	0		
2	SAVR	7	537	11	95	0	0	9		
3	CLO	6	471	6	46	0	0	13		
TOTAL		19	1.461	23	213	0	0	22		
WEIGHT KG			1.461		213		0			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO:RCDM - RC6 - TD1	CREW: XHOÀN - NPHÚ - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1459	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN XUÂN QUANG	RC6	37	1	6	3	78	72	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
2	VŨ VĂN KIẾN	TD1	35	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ TŨ NAM	TD1	37-39	3	16			73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	45	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	43	1	6			56	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM MINH HIỆU	TD1	44	1	2			57	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1	42	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THANH BÌNH	TD1	30	1	9			83	ANTOAN	Vietnamese
9	LA THANH	TD1	76	1	6	4	30	86	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TUẤN	TD1	29	1	11			82	VR	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC THẮNG	TD1	28	1	8			73	VR	Vietnamese
12	HA MINH TUẤN	TD1	31	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM ĐÔI	TD1	36	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN BÌNH	TD1	46	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	47	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
16	DOROSHENKO MAXIM	TD1	27	1	9	3	26	99	KHOAN	Russian
17	VŨ HỮU KẾ	TD1	40-41	2	9			84	KHOAN	Vietnamese
18	TÔNG VĂN THÈ	TD1	34	1	11			81	SCHLUMBE	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THAI	TD1	32-33	2	19			82	SCHLUMBE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	0	0	0	0	3	45	1		
2	RC6	1	72	1	6	3	78	0		
3	TD1	18	1.342	22	141	7	56	21		
TOTAL		19	1.414	23	147	13	179	22		
WEIGHT KG			1.414		147		179			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: BK19 - TD2 - P4	CREW: NAM - TTRUNG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1462	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	37	1	3	3	50	77	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN TUẤN ANH	TD2	51	1	5			93	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM THỊ CHUYỀN	TD2	46	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
4	DUƠNG HAI BĂNG	TD2	38-39	2	10			83	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ MINH ĐỨC	TD2	40	1	3			93	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	49-50	2	20			79	KHOAN	Vietnamese
7	MAI ĐỨC THÂN	TD2	42	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
8	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD2	54	1	5			65	YTE	Vietnamese
9	HỒ VĂN HÙNG	TD2	55	1	9	1	33	75	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGỌC QUANG	TD2	57-58	2	15			64	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG HIỀN	TD2	52-53	2	13			76	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÌNH CHÍ CÔNG	TD2	47	1	13			67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD2	48	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
14	HÀ XUÂN ĐẠT	TD2	60-61	2	16			58	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ANH HIỆU	TD2	59	1	16			61	SCHLUMBE	Vietnamese
16	TRẦN VĂN NGHĨA	TD2	41	1	4			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	0	0	0	0	0	0	0+	4	CHUYEN 4 PAX BK19-TD2
2	TD2	16	1.180	21	145	4	83	15		
3	P4	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		16	1.180	21	145	4	83	18		
WEIGHT KG			1.180		145		83			

GRAND TOAL: 1.408 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

TRẦN HỒNG NAM
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: TD5 - P11	CREW: KHOAN - NPHU - THANH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1463	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CAO ĐỨC HAI	TD5	48	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
2	NGO QUỐC BAO	TD5	53-55	3	18			67	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN ĐỊNH	TD5	58-59	2	15			61	KHOAN	Vietnamese
4	NHƯ THANH TUYẾN	TD5	61-62	2	11			67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5						91	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN ĐIỀU	TD5	66	1	7	3	22	66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	65	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
8	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	42	1	8			60	KHOAN	Vietnamese.
9	VI HUNG CUONG	TD5	46	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN HOANG LAM	TD5	52	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VINH CUONG	TD5	63	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TAN BINH	TD5	43	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DANG NGUYEN	TD5	45	1	10			70	HALLUBUR	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	TD5	49-50	2	18			66	HALLUBUR	Vietnamese
15	REMENNIKOV FEDOR	TD5	64	1	12			96	KHOAN	Russian
16	QUÁCH THẾ ANH	TD5	51	1	13			67	KHOAN	Vietnamese
17	QUÁCH VĂN TÔI	TD5	47	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HAM CHUNG	TD5	56	1	8	1	16	70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÙNG	TD5	60	1	18			90	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG TRUNG	TD5	44	1	4			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	20	1.466	24	181	4	38	20		
2	P11	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.466	24	181	4	38	22		
WEIGHT KG			1.466		181		38			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: TD3 - TD1 - BK6	CREW: HUNG - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1460	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN LÂM VINH NGUYỄN	TD3	65	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ TIÊN LỤC	TD3	48	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG NGOC NGHIA	TD3	50	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
4	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	49	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN KÝ	TD3	57	1	7			90	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD3	45	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
7	KOSHELEV PAVEL	TD3	58	1	8			88	KHOAN	Russian
8	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	46	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC THANH	TD3	52-53	2	12			65	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ NGUYỄN KHANG	TD3	51	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG HUY LONG	TD3	54	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	47	1	13			83	KHOAN	Vietnamese
13	PHÙNG VĂN XUYẾN	TD3	64	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ANH QUANG	TD3	56	1	16	4	45	83	CODIEN	Vietnamese
15	DOÀN VIỆT ĐÔNG	TD3	59	1	11			75	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	TD3	55	1	12			83	CODIEN	Vietnamese
17	DINH VAN HOANG	TD1	39-40	2	19			104	CODIEN	Vietnamese
18	TÔ TIÊN HUNG	TD1	37-38	2	15			85	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	TD1	41	1	15	2	24	64	XAYLAP	Vietnamese
20	DAO VAN HOAN	BK6	04	1	16	1	20	71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	16	1.179	17	127	4	45	17+	1	CHUYỂN 1 PAX TD3-TD1
2	TD1	3	253	5	49	2	24	4		
3	BK6	1	71	1	16	1	20	1		
TOTAL		20	1.503	23	192	7	89	22		
WEIGHT KG			1.503		192		89			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

(Signature)
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

(Signature)
NGUYỄN MAI PHI

CREW

(Signature)
LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: VSP02 - GTC1 - CLO	CREW: LINH - SON - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1464	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ MINH SỸ	VSP02	07	1	12			79	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC KHOA	VSP02	08-09	2	19			93	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ HOANG VŨ	VSP02	12	1	10	3	40	68	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY NHẬT	VSP02	10-11	2	11	5	42	77	CODIEN	Vietnamese
5	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	52	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	53	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ HẢI LONG	CLO	56	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN TUẤN	CLO	50	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN KHANG	CLO	59	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
10	VÕ SĨ HOÀI THANH	CLO	61-62	2	9			62	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	CLO	58	1	17			76	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC QUÂN	CLO	57	1	11			75	CODIEN	Vietnamese
13	ĐÀO VĂN YẾN	CLO	55	1	12			67	DVL	Vietnamese
14	TRƯƠNG MINH KHÁNH	CLO	54	1	14			73	DVL	Vietnamese
15	HỒ MINH PHÚC	CLO	51	1	5	3	40	78	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN AI	CLO	60	1	4	5	70	54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	4	317	6	52	8	82	0		
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	1		
3	CLO	12	846	13	100	8	110	21		
TOTAL		16	1.163	19	152	16	192	22		
WEIGHT KG			1.163		152		192			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO:CTK3 - P2 - P10	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1461	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM HOANG TUNG	CTK3	65	1	7	3	40	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG TUYẾN	CTK3	71	1	10	1	14	73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH ĐIỆN	CTK3	66-67	2	13			74	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ TRỌNG NHÌEN	P2	08	1	15			57	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH PHƯỢNG	P2	11-12	2	13			60	DVL	Vietnamese
6	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	13	1	3			54	PSV	Vietnamese
7	LÊ TRẦN MINH KHANH	P2	09-10	2	9			62	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC LINH	P2	14	1	3			66	PSV	Vietnamese
9	LÊ VĂN QUYÊN	P10	68	1	6	5	82	59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	3	221	4	30	4	54	6		
2	P2	5	299	7	43	0	0	12		
3	P10	1	59	1	6	5	82	4		
TOTAL		9	579	12	79	9	136	22		
WEIGHT KG			579		79		136			

GRAND TOAL: 794 KGS


VSP REP.


NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.


ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW


LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		RC6+RC5+PBDA	7:25	0+0+18	0+0+0		0+0+21	0+0+0	chuyen 2 rc6-rc5остановка 3 часа

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày PBDA-9ng, остановка 3 часа



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RC6 - RC5 - PBDA(+3H)	CREW: HUNG - LINH - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1475	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN AN BINH	PBDA						72	ĐH	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TUYEN	PBDA	07-08	2	10			70	ĐH	Vietnamese
3	NGUYEN HUU LONG	PBDA	05	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC THỌ	PBDA	06	1	2			76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU ĐỨC TAM	PBDA	09	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN HUNG	PBDA						70	KHOAN	Vietnamese
7	SOCHIVETS IGOR	PBDA	04	1	4			102	KHOAN	Russian
8	VADIM POGIEV	PBDA						86	KHOAN	Russian
9	KIỀU TUÂN ANH	PBDA	10-11	2	12			85	DVL	Vietnamese
10	LÊ HOÀI THIÊN	PBDA	12	1	14			75	DVL	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HIỆP	PBDA	01	1	15			78	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	PBDA	02-03	2	22			71	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN HUU VIỆT	PBDA	13	1	15			62	DVL	Vietnamese
14	ĐỖ THANH TIÊN	PBDA	14	1	14			78	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG LONG	PBDA	16	1	9			68	DVL	Vietnamese
16	NGO TRI HOANG	PBDA	17	1	11			68	DVL	Vietnamese
17	ĐỖ HOÀI THANH	PBDA	18	1	6	2	46	73	DVL	Vietnamese
18	VÔ HỒNG QUÝ	PBDA	15	1	16			55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	0	0	0	0	0	0	0	CHUYỂN 2 PAX + 60KGS HÀNG RC6 SANG RC5	
2	RC5	0	0	0	0	0	0	0		
3	PBDA	18	1.323	18	160	2	46	20	DỪNG 3 TIẾNG	
TOTAL		18	1.323	18	160	2	46	20		
WEIGHT KG			1.323		160		46			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG

NGÔ VĂN LINH

